

Số: 01 /CB-BVYDCT

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2024

VĂN BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế An Giang

Tên cơ sở nộp hồ sơ: Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền-Phục hồi chức năng tỉnh An Giang.

Địa điểm: Khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 02963.833.822 Email: bvdkydctphcnag@gmail.com

Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe và gửi kèm theo văn bản này 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau đây:

1. Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
2. Danh sách người tham gia khám sức khỏe
3. Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
4. Báo cáo về phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở KSK
5. Các hợp đồng hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật hợp pháp đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Tôn Phước Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE

1. Tên cơ sở khám sức khỏe: Bệnh viện Đa khoa Y dược cổ truyền-Phục hồi chức năng tỉnh An Giang.

2. Địa chỉ: Khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Thời gian hoạt động của cơ sở khám sức khỏe: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ (từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần)

4. Danh sách người thực hiện khám sức khỏe:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Vị trí chuyên môn
1	Tôn Phước Thuận	000818/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại-Sản	Bác sĩ - Phó giám đốc Phụ trách (tham gia KCB Khoa Ngoại - Phụ)
2	Nguyễn Minh Tuấn	000150/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa thuộc hệ Nội	Bác sĩ - Phó giám đốc (tham gia KCB Khoa HSTC - CĐ, CĐHA, XN, TDCN)
3	Nguyễn Hữu Nghĩa	008455/AG-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ - PT Phòng TC-HCQT (tham gia KCB tại Khoa KKB lĩnh vực đa khoa)
4	Diệp Thời Minh Ngọc	049435/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ - Khoa Khám bệnh
5	Đình Hoàng Anh	009781/AG-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ - PT Khoa HSTC- CĐ
6	Nguyễn Tấn Đạt	009593/AG-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	Bác sĩ - Khoa Nội Nhi

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Tôn Phước Thuận

BẢN KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Đa khoa Y Dược Cổ truyền-Phục hồi Chức Năng tỉnh An Giang.

2. Địa chỉ: Khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: 02963.833.822 .Số Fax: 02963.833.822

- Email: bvdkydctphcnag@gmail.com

3. Quy mô: 100 giường bệnh

II. TỔ CHỨC:

1. Hình thức tổ chức: Bệnh viện đa khoa

2. Cơ cấu tổ chức gồm 11 khoa lâm sàng và cận lâm sàng như sau:

- Khoa Khám bệnh đa khoa.

- Khoa Hồi sức tích cực – Chống độc.

- Khoa Nội – Nhi.

- Khoa Ngũ Quan.

- Khoa Ngoại – Phụ.

- Khoa Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu.

- Khoa Châm cứu – Dưỡng sinh.

- Khoa Dinh dưỡng.

- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng.

- Khoa Dược.

III. NHÂN SỰ:

1. Danh sách trưởng khoa, phụ trách phòng, bộ phận chuyên môn:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Tên khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Vị trí, chức danh được bổ nhiệm
1	Tôn Phước Thuận	000818/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại-sản	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	BGD	Phụ trách chuyên môn PGĐ
2	Nguyễn Minh Tuấn	000150/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa thuộc hệ Nội	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	BGD	PGĐ
3	Hàng Quang Định	006605/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	BGD	PGĐ
4	Nguyễn Phước Anh Dũng	1505/AG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Nhà thuốc;	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	KHTH	PT. KHTH
5	Trần Thị Kiều	0005666/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Khoa Khám bệnh	PT. KKB
6	Đình Hoàng Anh	009781/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Khoa Hồi sức tích cực Chống độc	PT. KHSTC-CĐ

7	Nguyễn Hữu Nghĩa	008455/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	TC-HCQT	PT. TC-HCQT
8	Phan Minh Tâm	2236/AG-CCHN	Bán lẻ thuốc (Nhà thuốc)	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Khoa Dược	PT. KKS NK
9	Phạm Thị Dạ Thảo	0392/AG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Nhà thuốc;	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Khoa Dược	PT. Khoa Dược
10	Trần Thị Minh Thư	009644/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Khoa PHCN-VLTL	PT. Khoa PHCN-VLTL
11	Nguyễn Thị Thùy Linh	009174/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Khoa Ngoại-Phụ	PT. Khoa Ngoại-Phụ
12	Lưu Thị Kim Loan	009722/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Khoa Châm cứu- Dưỡng sinh	PT. Khoa Châm cứu- Dưỡng sinh
13	Lê Hoàng	009751/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Khoa Nội - Nhi	PT. Khoa Nội - Nhi
14	Hồ Thị Tuyết Giang	08041/AG-CCHN	Chuyên khoa Xét Nghiệm	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Khoa Xét Nghiệm	PT. Khoa Xét Nghiệm

15	Nguyễn Văn Long	008387/AG-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	KHTH	Điều Dưỡng
----	-----------------	----------------	--	--	------	------------

2. Danh sách người hành nghề:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn
1	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	009650/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ - Khoa Khám bệnh (KCB YHCT, PHCN-VLTL)
2	Lê Hùng Việt	000156/ĐT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ - Khoa Khám bệnh (KCB YHCT)
3	Lê Mai Phương Linh	008666/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - khoa Khám bệnh
4	Nguyễn Thạch Sanh	009806/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ -Khoa Châm cứu Dưỡng sinh (KCB YHCT)
5	Huỳnh Thị Bích Phượng	002327/CCHN-D-SYT-AG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Nhà thuốc	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Dược sĩ - Khoa Dược

6	Trần Thị Cẩm Tú	001293-CCHN-D-SYT-AG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Nhà thuốc	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Dược sĩ - Khoa Dược
7	Trần Văn Tèo	1755/AG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Quầy thuốc; bán lẻ thuốc thành phẩm đông y, thuốc từ dược liệu	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Dược - Khoa Dược
8	Trình Thị Kim Anh	007379/AG-CCHN	Chuyên khoa Xét Nghiệm	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cử Nhân - Khoa Xét Nghiệm
9	Võ Thị Anh Thư	0010263/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	CN Điều dưỡng hỗ trợ Khoa PHCN-VLTL
10	Nguyễn Thị Thúy Hằng	3472/CCHN-D-SYT-CT	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Nhà thuốc	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Dược sĩ - TC-HCQT
11	Lê Trung Hiếu	002764/CCHN-D-SYT-AG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Quầy thuốc, tủ thuốc trạm Y tế	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Dược - Khoa Dược
12	Lê Ngọc Hạnh	002306/CCHN-D-SYT-AG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Nhà thuốc	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Dược sĩ - Khoa Dược
13	Cao Xuân Trí	002923/CCHN-D-SYT-AG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Nhà thuốc	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Dược sĩ - Khoa Dược

14	Phạm Thị An Khương	002809/CCHN-D-SYT-AG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Quầy thuốc, tủ thuốc trạm Y tế	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Dược - Khoa Dược
15	Diệp Thời Minh Ngọc	049435/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ - Khoa Khám bệnh
16	Huỳnh Trung Thông	0005900/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - Khoa Khám bệnh
17	Triệu Duy Tàn	005973/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ - Khoa Khám bệnh (KCB YHCT)
18	Phan Thị Kim Quyên	003141/CCHN-D-SYT-AG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề: Quầy thuốc, tủ thuốc trạm Y tế	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Dược - Khoa Khám bệnh
19	Nguyễn Cao Thanh Phúc	0010186/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ - Khoa HSTC - CĐ
20	Nguyễn Gia Hân	0010367/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - HSTC-CĐ

21	Lãng Hoàn Tố Như	0010321/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - HSTC-CĐ
22	Nguyễn Kim Em	00140347/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - HSTC-CĐ
23	Trịnh Hoàn Tùng	009659/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ -Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh
24	Huyền Thị Ngọc Nhung	0010102/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cử nhân Điều dưỡng - Khoa Châm cứu- Dưỡng sinh
25	Nguyễn Thị Xuân Huỳnh	0010184/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ -Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh (KCB YHCT)
26	Nguyễn Thị Trúc Giang	0006014/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - Khoa Ngoại-Phụ
27	Mai Lê Thùy Trang	0010381/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - Khoa Ngoại-Phụ
28	Trần Thị Trang	005679/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ - Khoa Ngoại Phụ

29	Huỳnh Thị Tuyết Mai	0010286/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ - Khoa Ngoại Phụ
30	Ngô Thị Cẩm Nhung	006020/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học Cổ Truyền	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ - Khoa Nội Nhi
31	Hồ Ngọc Tùng	008936/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - Khoa Nội-Nhi
32	Nguyễn Hồng Châu	009979/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - Khoa Nội-Nhi
33	Lê Thị Kim Hương	009956/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - Khoa Nội-Nhi
34	Nguyễn Thùy Linh	0005917/AG-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cao đẳng Điều dưỡng - Khoa Nội-Nhi
35	Nguyễn Tấn Đạt	009593/AG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Bác sĩ - Khoa Nội Nhi
36	Ngô Bảo Duy	007668/CT-CCHN	Chuyên khoa Xét Nghiệm	Thứ 2 – 6: 7giờ - 11giờ 13giờ - 17giờ và theo lịch trực	Cử Nhân - Khoa Xét Nghiệm

3. Danh sách người làm việc:

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí làm việc
1	Nguyễn Thành Hiếu	Kế toán trưởng - 06.031	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Tài chính kế toán
2	Nguyễn Ngọc Diễm Tiên	BS YHCT hạng III - V.08.01.03	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Khoa PHCN- VLTL
3	Nguyễn Ngọc Tuyết Minh	BS YHCT hạng III - V.08.01.03	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Khoa Nội-Nhi
4	Tăng Khả Thy	BS YHCT hạng III - V.08.01.03	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh
5	Nguyễn Nam Kha	Dược sĩ	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Phòng KHTH
6	Đỗ Thành Trung	Dược sĩ	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Phòng KHTH
7	Trần Thanh Thiện	Kỹ thuật hình ảnh	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Khoa XN - CĐHA
8	Nguyễn Dương Bảo Nhi	BS YHCT	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Phòng KHTH
9	Trần Hoàng Kiệt	BS YHCT	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Khoa PHCN-VLTL
10	Nguyễn Ngô Mỹ Quyên	Cử nhân DD và CNTP	7g00 - 11g00; 13g00-17g00 Từ thứ 2 đến thứ 6	Khoa Dinh Dưỡng

IV. THIẾT BỊ Y TẾ:

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
1	Thiết bị kéo giãn (cột sống) trị liệu tự động kỹ thuật số (Máy kéo giãn cột sống dùng trong y tế)	ET800	Everyway	Đài Loan	2023	1	Mới	

2	Bồn massage toàn thân	T-UWM/E	P.H.U	Ba Lan	2022	1	Mới	
3	Buồng xông thuốc toàn thân (Máy xông thuốc toàn thân)	HB730A	Suzhou Haobro Medical Co. Ltd	Trung Quốc	2022	1	Mới	
4	Đèn soi đáy mắt	ri-scope L	Rudolf Riester GmbH - Đức	Đức	2022	3	Mới	
5	Đèn soi Tai-Mũi-Họng	ri-focus LED	Rudolf Riester GmbH - Đức	Đức	2021	3	Mới	
6	Máy chụp X-quang cao tần (kỹ thuật số)	XR5	Osko	Mỹ	2022	1	Mới	
7	Máy điện châm	KWD-808I	WUJIN GREATWALL MEDICAL DEVICE CO., LTD. CHANGZHOU	Trung Quốc	2022	16	Mới	
8	Máy điện tim	ECG-1250K	Nihon Kohden	Nhật	2021	1	Mới	
9	Thiết bị Laser điều trị trĩ	Lasun 25 Deltalas	Medsun	Hàn Quốc	2022	1	Mới	
10	Máy điều trị bằng ion	IG-EIJ-R2	Reltec	Nhật	2022	1	Mới	
11	Máy điều trị sóng ngắn	DX-500	Elettronica Pagani	Ý	2022	1	Mới	
12	Máy đo hematocrit	ZCC - 12HD- 40T3	LW Scientific, Mỹ	Trung Quốc	2022	1	Mới	
13	Máy đo chức năng hô hấp	Datospir Touch Easy T	SIBEL, S.A.U	Tây Ban Nha	2022	1	Mới	
14	Máy đo điện giải đồ, điện cực chọn lọc ion	ISE 5000	SFRI SAS	Pháp	2022	1	Mới	
15	Máy đo độ đông máu	ACL Elite	Instrumentation Laboratory	Mỹ	2022	1	Mới	
16	Máy đo độ loãng xương	EXCELUS	OsteoSys	Hàn Quốc	2022	1	Mới	
17	Máy đo khúc xạ	Accuref K- 900	Rexxam Co., Ltd	Nhật	2022	1	Mới	
18	Máy đo tốc độ máu lắng	Microsed	Elitech Distribution S.A.S	Hà Lan	2022	1	Mới	
19	Máy hút đờm	New Askir 29	Ca-mi S.r.l	Ý	2021	2	Mới	
20	Máy huyết học tự động 18 thông số	CELLDIFF - 360	Fortress Diagnostics	Anh	2022	1	Mới	
21	Máy khí dung	Comfort 3000 KU -497	Koushin Industries	Nhật	2022	5	Mới	

22	Máy kích thích liên xương bằng siêu âm	US13	Project Blue Generation S.r.	Ý	2022	1	Mới	
23	Máy laser bán dẫn điều trị	LP 50	Project Blue Generation S.r.	Ý	2022	1	Mới	
24	Máy laser nội mạch	MN - LS216	Viện vật Lý Y Sinh Học	Việt Nam	2022	1	Mới	
25	Máy phân tích nước tiểu tự động	DocUReader 2 Pro	77 Elektronika	Hungary	2022	1	Mới	
26	Máy phân tích sinh hoá tự động	A25	BioSystems	Tây Ban Nha	2022	1	Mới	
27	Máy rửa phim X- quang hoặc máy in phim khô	Drypro S (Drypro Sigma)	Rayco	Trung Quốc	2022	1	Mới	
28	Máy siêu âm điều trị	BTL-4710 Premium	BTL Industries Ltd, Vương Quốc Anh	European Union (Châu Âu)	2022	1	Mới	
29	Máy siêu âm ổ bụng, tim	Arrietta 65	FUJIFILM Healthcare (Hitachi)	Nhật	2021	1	Mới	
30	Máy tạo ô xy di động	Companion 4	Caire, Inc	Mỹ	2021	2	Mới	
31	Máy truyền dịch	Infusomat P	B.Braun Melsugen AG	Đức	2021	2	Mới	
32	Máy từ rung nhiệt	HB220D	Suzhou Haobro Medical Device Company Limited	Trung Quốc	2022	1	Mới	
33	Máy xét nghiệm miễn dịch	Access 2	Beckman Coulter	Mỹ	2022	1	Mới	
34	Máy nén ép trị liệu suy giãn tĩnh mạch	Power Q2199	GOODPL INC	Hàn Quốc	2022	2	Mới	
35	Monitor theo dõi bệnh nhân	PVM-4761	Nihon Kohden	Nhật	2021	4	Mới	

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Tổng diện tích mặt bằng: 15.066 m²
2. Tổng diện tích xây dựng: 7.601m²; diện tích 90m²/giường bệnh
3. Kết cấu xây dựng nhà:

A. Khối nhà chính:

- Công trình cấp III; cao 04 tầng: 01 trệt, 03 lầu, tầng mái.

- Kết cấu chịu lực chính: hệ khung BTCT.

B. Khoa Dược:

- Công trình cấp IV; Tổng diện tích sàn xây dựng 330 m²; công trình cao 01 tầng.

- Kết cấu chịu lực chính: hệ khung BTCT.

C. Khoa quản lý nhiễm khuẩn:

- Công trình cấp IV; Tổng diện tích sàn xây dựng 252 m²; công trình cao 01 tầng.

- Kết cấu chịu lực chính: hệ khung BTCT.

D. Xưởng kho + nhà xe 4 bánh:

- Công trình cấp IV; Tổng diện tích sàn xây dựng 241 m²; công trình cao 01 tầng.

- Kết cấu chịu lực chính: hệ khung BTCT.

E. Nhà máy để phát điện dự phòng và bơm:

- Công trình cấp IV; Tổng diện tích sàn xây dựng 51 m²; công trình cao 01 tầng.

- Kết cấu chịu lực chính: hệ khung BTCT.

F. Nhà xe 2 bánh nhân viên:

- Công trình cấp IV; Tổng diện tích sàn xây dựng 400 m²; công trình cao 01 tầng.

- Kết cấu chịu lực chính: móng BTCT.

G. Nhà xe 2 bánh khách:

- Công trình cấp IV; Tổng diện tích sàn xây dựng 387 m²; công trình cao 01 tầng.

- Kết cấu chịu lực chính: móng đơn BTCT.

H. Cổng hàng rào + nhà bảo vệ:

- Cổng hàng rào song sắt: tổng chiều dài 487,5 md. Móng đơn BTCT. Chiều dài công trình +2,40m. Cổng sắt xếp. Hàng rào cột BTCT, song thép hộp STK.

- 03 nhà bảo vệ: công trình cấp IV; Tổng diện tích sàn xây dựng 30 m². Móng đơn BTCT.

I. Bể nước ngầm:

- Thể tích bể 270 m³

K. Sân vườn hồ tạo cảnh:

* Nhà trị liệu:

- Công trình cấp IV; Tổng diện tích sàn xây dựng 107 m²; công trình cao 01 tầng.

- Kết cấu chịu lực: Móng đơn BTCT.

* Hồ trị liệu:

- Tổng diện tích sàn xây dựng 395 m².

4. Diện tích xây dựng trung bình cho 01 giường bệnh (đối với bệnh viện): 6,6m²

5. Diện tích khoa/phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:

STT	Hạng mục	Diện tích sàn (m ² /phòng)
A. TẦNG TRỆT		
I. Khoa hồi sức tích cực chống độc		
1	Phòng bác sĩ trực	18
2	Hành chính	
3	Phòng trưởng khoa	
4	Phòng rửa tiệt trùng	
5	Phòng thủ thuật can thiệp	
6	Phòng kho thuốc nam và bắc	44
7	Kho bản	18
8	Kho sạch	
9	Phòng y tá, bác sĩ trực	
10	Khu vực cấp cứu phân loại	50
11	Khu vực hồi sức tích cực	66
12	Phòng phát thuốc nam và bắc	26
13	Phòng kỹ thuật	6
14	Ban thông tin	13
15	Vệ sinh chung	33
II. Khoa chẩn đoán hình ảnh		
16	Phòng tiếp nhận và trả kết quả	9
17	Trực nhân viên	10
18	Buồng tháo, thụt	9
19	Phòng trưởng khoa	18
20	Phòng hành chính giao ban	

21	Rửa phim	
22	Kho phim	
23	Phòng X-quang 1	20
24	Phòng X-quang 2	
25	Phòng điều khiển	12
26	Siêu âm 1	9
27	Siêu âm 2	
28	Vệ sinh chung	18
III. Khoa Phục hồi chức năng – Châm cứu dưỡng sinh:		
29	Phòng 2 giường (03 phòng)	14
30	Phòng 5 giường (02 phòng)	32
31	Phòng điều trị quang điện	18
32	Phòng Oxy cao áp	
33	Phòng soạn ăn	
34	Phòng trực y tá	
35	Phòng hành chính giao ban	
36	Phòng trưởng khoa	
37	Phòng nhân viên chỗ bảo quản đồ vải	
38	Kho sạch	10
39	Phòng điều trị vận động	72
40	Phòng thay đồ nam + nữ	18
41	Phòng thủy trị liệu	58
42	Phòng điều trị nhiệt	27
43	Kho bản	9
44	Vệ sinh phòng bệnh (05 phòng)	4
45	Vệ sinh chung	26
IV. Khoa dinh dưỡng		
46	Phòng quản lý bác sĩ, y sĩ dinh dưỡng	30
47	Phòng ăn	87

48	Kho bát đĩa đồ dùng	18
49	Kho lạnh	
50	Kho lương thực	
51	Kho thực phẩm – kho gia vị	
52	Gia công + phân phối	70
53	Phòng sinh hoạt	26
54	Phòng trực – nghỉ	13
55	Vệ sinh chung	23
56	Sảnh + hành lang + cầu thang	1.160
B. LẦU 1		
I. Khoa Xét nghiệm		
1	Xét nghiệm sinh hóa	36
2	Xét nghiệm vi sinh	
3	Phòng sinh hoạt	18
4	Phòng hành chính giao ban	48
5	Xét nghiệm huyết học	36
6	Phòng trưởng khoa	18
7	Phòng nhận mẫu xét nghiệm	
8	Vệ sinh chung + Thay đồ	
II. Khoa Khám bệnh		
9	Phòng tiếp đón phát số	20
10	Phòng thu viện phí	32
11	Nội soi	12
12	Tiểu phẫu	
13	Phòng kỹ thuật	6
14	Phòng khám 1	12
15	Phòng khám 2	
16	Phòng khám 3	
17	Phòng khám 4	

18	Phòng khám 5	10
19	Phòng khám 6	12
20	Phòng khám 7	
21	Phòng khám 8	
22	Phòng khám 9	
23	Phòng thủ thuật	
24	Vệ sinh chung	15
III. Khoa Nội tổng hợp – Khoa Nhi		
25	Phòng 5 giường (06 phòng)	32
26	Phòng 2 giường (10 phòng)	15
27	Phòng ăn	16
28	Phòng trực y tá	18
29	Phòng ăn	36
30	Phòng cấp cứu	22
31	Phòng thủ thuật vô khuẩn	
32	Hấp rửa	13
33	Phòng thủ thuật hữu khuẩn	
34	Sân vườn	44
35	Phòng y tá + hành chính	36
36	Kho sạch	14
37	Kho bẩn	17
38	Điều dưỡng trưởng	18
39	Phòng trưởng khoa	
40	Phòng bác sĩ	36
41	Phòng điều trị	18
42	Phòng sinh hoạt	30
43	Vệ sinh phòng bệnh (16 phòng)	4
44	Vệ sinh chung + thay đồ	28
45	Sảnh + hành lang + cầu thang	959

C. LẦU 2		
I. Khu hành chính		
1	Phòng phó giám đốc (02 phòng)	18
2	Phòng điều dưỡng	
3	Phòng tiếp khách	
4	Phòng giám đốc	28
5	Phòng vật tư thiết bị y tế	18
6	Trưởng phòng (02 phòng)	15
7	Kế hoạch tổng hợp	30
8	Phòng đảng đoàn thể	18
9	Phòng tổng đài	15
10	Kho vật tư và văn phòng phẩm	18
11	Sân vườn	54
12	Phòng công nghệ thông tin	18
13	Kho lưu trữ	
14	Phòng hành chính quản trị	40
15	Trưởng phòng	10
16	Phòng Kế hoạch tổng hợp – Công nghệ thông tin	26
17	Phòng kỹ thuật	6
18	Phòng tổ chức cán bộ	18
19	Trưởng phòng	
20	Vệ sinh chung	33
II. Khoa Ngoại – Phụ		
21	Phòng 2 giường (03 phòng)	15
22	Phòng 5 giường (04 phòng)	32
23	Phòng trực y tá	18
24	Phòng y tá + hành chính	
25	Phòng sinh hoạt	30
26	Điều dưỡng trưởng	18

27	Phòng bác sĩ	36
28	Trưởng khoa	18
29	Kho sạch	
30	Kho bản	15
31	Sân vườn	21
32	Phòng thủ thuật hữu khuẩn	13
33	Hấp rửa	
34	Phòng thủ thuật vô khuẩn	22
35	Phòng cấp cứu	
36	Phòng điều trị	18
37	Phòng ăn	36
38	Vệ sinh phòng bệnh (07 phòng)	4
39	Vệ sinh chung	30
40	Sảnh + hành lang + cầu thang	780

D. LẦU 3

I. Khu hành chính

1	Hội trường 110 chỗ + bục tọa đàm	241
2	Sân vườn	36
3	Phòng truyền thống + thư viện	18
4	Phòng họp nhỏ	54
5	Phòng đào tạo nghiên cứu khoa học chỉ đạo tuyến	48
6	Trưởng phòng	18
7	Phòng đoàn thể quần chúng	
8	Phòng tài chính	
9	Phó phòng	
10	Phòng nghỉ	26
11	Phòng chuẩn bị	13
12	Phòng chủ tọa	
13	Phòng kỹ thuật	6

14	Vệ sinh chung	25
15	Sảnh + hành lang + cầu thang	331

6. Bố trí các khoa/chuyên khoa, phòng:

A. Các phòng chức năng: gồm 05 phòng

- Tổ chức – hành chính quản trị.
- Kế hoạch tổng hợp – Công nghệ thông tin.
- Tài chính – Kế toán.
- Đào tạo – Chỉ đạo tuyển – Nghiên cứu khoa học.
- Công tác xã hội – Điều dưỡng.

B. Các khoa chuyên môn: gồm 11 khoa

- Khoa Khám bệnh đa khoa.
- Khoa Hồi sức tích cực – Chống độc.
- Khoa Nội – Nhi.
- Khoa Ngũ quan.
- Khoa Ngoại – Phụ.
- Khoa Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu.
- Khoa Châm cứu – Dưỡng sinh.
- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng.
- Khoa Dược.

7. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

a) Xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất 85 m³/ngày đêm.

b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt: Có

8. An toàn bức xạ: Có

9. Hệ thống phụ trợ:

a) Phòng cháy chữa cháy: Có

b) Khí y tế: Có

c) Máy phát điện: Có

d) Thông tin liên lạc: Có

10. Cơ sở vật chất khác (nếu có): Không

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tôn Phước Thuận